

**Số: 177/2020/QĐST- HNGĐ**

*Đông Anh, ngày 12 tháng 5 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Đỗ Đài T, sinh ngày 17/10/19xx, giấy chứng minh nhân dân số 01306xxxx do Công an thành phố HN cấp ngày 21/3/2012.

Hộ khẩu thường trú: Thôn HL II, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn GT, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Anh Phạm Khắc Đ, sinh ngày 26/01/19xx, giấy chứng minh nhân dân số 01287xxxx do Công an thành phố HN cấp ngày 29/5/2010.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn HL 2, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Đỗ Đài T và anh Phạm Khắc Đ.

**2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về con chung:** Anh chị có hai con chung là: Phạm Tuấn K, sinh ngày 05/8/2014 và Phạm Khánh T2, sinh ngày 25/6/2017. Ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chị T, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mỗi bên chịu 1/2, hai bên thỏa thuận để chị T chịu cả, nhưng được trừ vào 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/001xxxx ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T được hoàn trả số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã TL, huyện ĐA, Hà Nội (GCN kết hôn số 96 ngày 03/7/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Thị Thu Thanh**